

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2020/HNGĐ-ST**.
Ngày : 13/01/2020.
V/v : “*ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Mai Thị Thu Dung
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Trần Thị Vù

2. Ông Trần Trọng Thái

- Thư ký phiên tòa

: Bà Hoàng Thị Huế -

là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:

Bà Tăng Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 822/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “*ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà **Lê Thị Kim H** sinh năm: 1962.

Thường trú : 27C HTLO, Phường X, Quận Y, TP H.

Nơi ở hiện nay: 69 Đường số 1, phường AL, quận B, TP H.

(*có mặt*).

Bị đơn : Ông **Võ Thanh H1** sinh năm: 1962.

Thường trú : 50/6/19 NDC, Phường 3, quận P, TP H.

Đại diện hợp pháp của ông Võ Thanh H:

Bà **Lê Thị N** sinh năm: 1938

Thường trú : 50/6/19 NDC, Phường 3, quận P, TP H.

Bà N làm giám hộ cho ông H1 theo Trích lục đăng ký giám hộ số 01/TLGH ngày 15/11/2019 của UBND Phường 3, quận P, TP H.

(*Bà N có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn ly hôn đề ngày 25/11/2019 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim H trình bày:

Bà Lê Thị Kim H và ông Võ Thanh H1 kết hôn năm 1996 theo giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyền số 01/93 ngày 07/1993 tại UBND Phường X, Quận Y, TP H.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng ông bà sống với nhau tại nhà chồng ở địa chỉ số 50/6/19 NDC, Phường 3, quận P, TP H. Sống với nhau được một thời gian thì đến năm 2000 ông H1 phát sinh bệnh tật. Cụ thể ông H1 bị bệnh tâm thần phân liệt thể hoang tưởng, điều trị ngoại trú thường xuyên tại Trung tâm Y tế Quận 10, TP HCM từ năm 2000 đến nay, có hồ sơ bệnh án số 1422-10-02 ngày 14/3/2002. Hàng ngày, ông H1 ở nhà rất ít tiếp xúc với những người trong gia đình, tính tình dễ bị kích động, hay la hét, không nhận thức được hành vi của mình.

Bà H đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận P tuyên bố ông H1 bị mất năng lực hành vi dân sự. Ngày 14/10/2019. Tòa án nhân dân quận P đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 704/2019/QĐST - DS ngày 14/10/2019 tuyên bố ông Võ Thanh H1 mất năng lực hành vi dân sự.

Sau khi có Quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự thì mẹ ruột ông H1 là bà Lê Thị N đã làm thủ tục giám hộ cho ông H1 theo Trích lục đăng ký giám hộ số 01/TLGH ngày 15/11/2019 của UBND Phường 3, quận P, TP H.

Nay bà H nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông H1 để được ổn định cuộc sống riêng của bà H.

Về con chung: bà H khai không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H khai không có.

- Bị đơn ông Võ Thanh H1 - có bà Lê Thị N làm giám hộ trình bày:

Bà N là mẹ ruột của ông Võ Thanh H1, ông H1 đã bị bệnh trong suốt thời gian dài, vợ của ông H1 là bà Lê Thị Kim H đã làm tròn trách nhiệm của một người vợ, người con dâu trong gia đình bà. Sau khi có Quyết định giải quyết việc dân sự số 704/2019/QĐST - DS ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân quận P, TP H về việc tuyên bố ông Võ Thanh H1 mất năng lực hành vi dân sự thì bà N đã làm thủ tục giám hộ cho ông H1 theo Trích lục đăng ký giám hộ số 01/TLGH ngày 15/11/2019 của UBND Phường 3, quận P, TP H.

Về quan hệ hôn nhân và quá trình chung sống giữa bà H và ông H1 giống như bà H trình bày trong đơn khởi kiện và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Nay bà H làm đơn ly hôn với ông H1 để ổn định cuộc sống riêng của bà H thì với tư cách là người giám hộ cho ông H1, bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà N xác nhận trong quá trình vợ chồng bà H và ông H1 chung sống với nhau không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Đây là vụ án có bị đơn (ông Võ Thanh H1) là người mất năng lực hành vi dân sự nên thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 3 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn trình bày:

Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu được ly hôn với ông Võ Thanh H1.

Về con chung: không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Võ Thanh H1 - có bà Lê Thị N làm giám hộ trình bày:

Bà N đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim H được ly hôn với ông Võ Thanh H1.

Bà xác nhận giữa bà H và ông H1 không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn ông Võ Thanh H1 có hộ khẩu thường trú tại quận P, Thành phố H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận theo thủ tục tố tụng dân sự.

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 704/2019/QĐST - DS ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân quận P, TP H đã tuyên bố ông Võ Thanh H1 mất năng lực hành vi dân sự. Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật thì bà Lê Thị N (là

mẹ ruột của ông H1) đã làm thủ tục giám hộ cho ông H1 theo Trích lục đăng ký giám hộ số 01/TLGH ngày 15/11/2019 của UBND Phường 3, quận P, TP H. Do đó, việc giám hộ của bà N đối với ông H1 là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Lê Thị Kim H và ông Võ Thanh H1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 1996 theo giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/93 ngày 20/7/1993 tại UBND Phường X, Quận Y, TP H. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng ông bà sống với nhau tại nhà chồng ở địa chỉ số 50/6/19 NDC, Phường 3, quận P, TP H. Chung sống với nhau được một thời gian thì đến năm 2000 ông H1 phát sinh bệnh tật. Cụ thể ông H1 bị bệnh tâm thần phân liệt thể hoang tưởng, điều trị ngoại trú thường xuyên tại Trung tâm Y tế Quận 10, TP HCM từ năm 2000 đến nay, có hồ sơ bệnh án số 1422-10-02 ngày 14/3/2002. Hàng ngày, ông H1 ở nhà rất ít tiếp xúc với những người trong gia đình, tính tình dễ bị kích động, hay la hét, không nhận thức được hành vi của mình.

Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1 để được ổn định cuộc sống riêng của bà H.

Người giám hộ cho ông Võ Thanh H1 là bà Nguyễn Thị N cũng xác nhận: ông H1 đã bị bệnh trong một thời gian dài, trong thời gian ông H1 bị bệnh thì con dâu bà (là bà Lê Thị Kim H) đã làm tròn trách nhiệm của một người vợ, người con dâu trong gia đình. Nay để bà H ổn định cuộc sống riêng của bà H thì bà đồng ý để bà H được ly hôn với ông Võ Thanh H1.

Xét thấy, vợ chồng phải yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình ấm no hạnh phúc. Tuy nhiên, trong cuộc hôn nhân này do ông H1 bị bệnh tâm thần phân liệt thể hoang tưởng nhiều năm, không nhận thức được hành vi của mình. Tòa án đã có quyết định tuyên bố ông H1 mất năng lực hành vi dân sự. Như vậy, cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông H1 là không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc được ly hôn với ông Võ Thanh H1.

- *Về con chung:* giữa bà H và ông H1 không có con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* bà H và ông H1 không có tài sản chung và nợ chung.

Như vậy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24, 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Kim H được ly hôn với ông Võ Thanh H1. Giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/93 do UBND Phường X, Quận Y, TP H cấp ngày 20/7/1993 cho bà Lê Thị Kim H và ông Võ Thanh H1 không còn giá trị pháp lý.

- *Về con chung*: không có

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có.

2. Về án phí: Án phí của vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Lê Thị Kim H1 phải chịu nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042337 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H1 đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn và người giám hộ cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Dung